

**DỰ THẢO**

*Đắk Lắk, ngày 15 tháng 12 năm 2017*

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, QUAN HỆ QUỐC TẾ  
GIAI ĐOẠN 2012-2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG  
GIAI ĐOẠN 2018-2022**

*(Báo cáo tại Hội nghị Tổng kết công tác Khoa học Công nghệ, Quan hệ Quốc tế  
giai đoạn 2012-2017 và xây dựng phương hướng hoạt động giai đoạn 2018-2022)*

**PHẦN I**

**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Hoạt động Khoa học Công nghệ (KH-CN) trong các trường đại học là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, tạo ra những tri thức mới, sản phẩm mới, cải tiến quy trình công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm tới vai trò, vị trí của các trường đại học trong hoạt động KH-CN. Theo đó, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược phát triển KH-CN giai đoạn 2011-2020 chỉ rõ: “Hoạt động phát triển KH-CN cùng với Giáo dục đào tạo (GDĐT) là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Khoa học và công nghệ phải đóng vai trò chủ đạo để tạo bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Hoạt động KH-CN trong các giai đoạn tiếp theo cần đáp ứng yêu cầu theo hướng “Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ về KH-CN phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước trong thời kỳ mới”.

Đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước và xã hội, trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường luôn quan tâm tập trung đổi mới, hoàn thiện các quy định về hoạt động KH-CN và QHQT, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng quan hệ đối tác, tận dụng

các nguồn lực để đẩy mạnh hoạt động KHCN trong toàn Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng luôn quan tâm khuyến khích, hỗ trợ và tạo các điều kiện tốt nhất để các cá nhân, tập thể phát huy tối đa năng lực nghiên cứu khoa học, tìm kiếm đối tác, các nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ Khoa học Công nghệ và Quan hệ Quốc tế.

Trong những năm qua, Nhà trường cũng luôn đặc biệt quan tâm phát triển đội ngũ các nhà khoa học có học hàm, học vị, có trình độ và kinh nghiệm đảm bảo đủ năng lực giải quyết tốt các nhiệm vụ KHCN và QHQT. Việc kết hợp đồng bộ các nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng các nhà khoa học trẻ là một nguồn sức mạnh tổng hợp để Nhà trường thực hiện tốt các vấn đề KHCN trong thời đại hiện nay.

Giai đoạn 2012-2017 với những nỗ lực của toàn thể CBVC, Học viên, Sinh viên, hoạt động Khoa học Công nghệ và QHQT toàn trường đã có những kết quả đáng ghi nhận như: Triển khai nhiều đề tài các cấp, tổ chức thành công các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, xuất bản tạp chí, công bố các công trình khoa học trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước, giới thiệu nhiều công nghệ thế mạnh. Triển khai các hoạt động KHCN thiết thực, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, phát triển KT-XH tại các tỉnh Tây Nguyên và cả nước. Triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế tạo ra nhiều cơ hội liên kết với các trường, viện trong khu vực cũng như trên thế giới,...

## PHẦN II

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC KHCN VÀ QHQT GIAI ĐOẠN 2012-2017**

#### **2.1. Kết quả hoạt động Khoa học Công nghệ**

##### ***2.1.1. Thực hiện đề tài, dự án và chuyển giao công nghệ***

###### ***2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh và tương đương***

- Đề tài cấp Nhà nước, chương trình KHCN cấp Bộ: Giai đoạn 2012-2017, Nhà trường thực hiện 01 đề tài trọng điểm cấp Nhà nước, 01 chương trình KHCN cấp bộ. Các nghiên cứu tập trung vào giải quyết các vấn đề nóng của Tây Nguyên về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi sản phẩm cây trồng nông nghiệp trước những thách thức biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Đề tài cấp Bộ: Toàn Trường đã triển khai 17 đề tài nghiên cứu thuộc các lĩnh vực Nông Lâm nghiệp, Công nghệ Sinh học, Chăn nuôi Thú y và Khoa học xã hội. Trong đó có 12 đề tài đã nghiệm thu và dự kiến năm 2018 sẽ tiếp tục triển khai 02 đề tài mới.

- Đề tài cấp tỉnh và tương đương: Cán bộ, Giảng viên trong trường đã chủ trì và tham gia 08 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài từ quỹ khoa học Quốc gia, 20 đề tài nghiên cứu thuộc các dự án tài trợ và 18 hợp đồng dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Chủ đề nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Nhà trường như: Nông Lâm nghiệp, Chăn nuôi Thú y, Công nghệ Sinh học và Văn Hóa xã hội. Địa bàn triển khai tại 5 tỉnh Tây Nguyên và TP Hồ Chí Minh.

Các đề tài triển khai và nghiệm thu đúng tiến độ được phê duyệt, phù hợp theo các quy định về hoạt động KHCN. Giải quyết tốt các vấn đề cấp thiết, thời sự theo định hướng KHCN của ngành, địa phương và trong nước. Các công bố khoa học có giá trị cao về học thuật trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Kết quả của các đề tài được các đơn vị quản lý và ứng dụng đánh giá cao về tính khoa học, học thuật và khả năng áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

#### *2.1.1.2. Đề tài cấp Cơ sở và đề tài sinh viên thực hiện*

- Đề tài cấp cơ sở: Toàn trường đã triển khai 335 đề tài cấp cơ sở, 07 đề tài cấp cơ sở trọng điểm. Trong đó, có 270 đề tài do cán bộ thực hiện và 72 đề tài của sinh viên. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong hoạt động KHCN, đã có 04 đề tài được thực hiện theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp sản xuất tại Tây Nguyên

Nhìn chung các đề tài đã tập trung giải quyết tốt các vấn đề cấp thiết của Nhà trường về nâng cao năng lực quản lý, cải cách hành chính, cải tiến chất lượng đào tạo, tạo môi trường cho sinh viên thực hành, thực tập và công bố khoa học trên các tạp chí uy tín. Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo trường về đổi mới quản lý KHCN, hằng năm đã có 100% các đề tài hoàn thành nghiệm thu đúng yêu cầu về tiến độ cũng như chất lượng chuyên môn. Một số đề tài do sinh viên thực hiện đã được vinh danh là những tấm gương tiêu biểu của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên trong phong trào thanh niên nghiên cứu khoa học toàn quốc.

### *2.1.1.3. Dự án và chuyển giao khoa học công nghệ*

- Các Đề tài Dự án có yếu tố nước ngoài: Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thúc đẩy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển kinh tế-xã hội cho các tỉnh Tây Nguyên. Trong những năm 2012-2017, cán bộ, giảng viên trong Nhà trường hợp tác thực hiện 05 dự án có yếu tố nước ngoài như: Dự án “Cải thiện các hệ thống nuôi dưỡng gia súc ăn cỏ trong nông hộ tại vùng tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt nam do CIAT và IFAT tài trợ”; Dự án “Lâm nghiệp cải thiện đời sống người dân vùng Tây Nguyên” - Fritch, do ADB tài trợ; Dự án “Tăng cường nguồn nhân lực y tế” do ADB tài trợ. Dự án nghiên cứu chuỗi giá trị bò thịt hợp tác với trường đại học Tasmalia của Australia do ACIAR tài trợ; Dự án “Liên kết phát triển chuỗi giá trị nhằm cải thiện hệ thống sản xuất sản quy mô nông hộ” do Chính phủ Úc tài trợ. Hợp tác, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật dựa trên nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức nước ngoài là thế mạnh và có tính lịch sử lâu dài của trường Đại học Tây Nguyên, phần lớn các dự án tập trung tại các đơn vị như: Khoa Chăn nuôi Thú y, Nông Lâm nghiệp, Kinh tế, Y dược, Viện Công nghệ sinh học và Môi trường.

Nhìn chung, các đề tài Dự án và chuyển giao khoa học kỹ thuật của trường Đại học Tây Nguyên đã được lãnh đạo địa phương và các đối tượng thụ hưởng đánh giá cao. Các chương trình thực sự mang lại hiệu quả về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, tạo việc làm và góp phần ổn định an ninh, chính trị cho địa phương. Đặc biệt là các địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào có điều kiện đặc biệt khó khăn. Tham gia hoạt động các Dự án quốc tế là cơ hội tốt để cán bộ, giảng viên trong trường thể hiện năng lực khoa học và cũng là cơ hội để các giảng viên trẻ nâng cao trình độ ngoại ngữ và phương pháp tiếp cận khoa học theo hướng hiện đại.

### *2.1.1.4. Hoạt động Khoa học Công nghệ khác*

- Các chương trình hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước: Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Lãnh đạo trường về mở rộng hợp tác nhằm tăng cường các nguồn lực bên ngoài phục vụ công tác đào tạo và Khoa học Công nghệ. Các đơn vị trong trường đã chủ động hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi chuyên gia song phương với 17 Viện, trường trong và ngoài nước. Các mô hình hợp tác theo phương thức Trường – Trường; Viện – Trường và Viện – Viện. Cụ thể như:

+ Hợp tác toàn diện về đào tạo và khoa học với trường Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc;

+ Hợp tác nghiên cứu và đào tạo cán bộ sau đại học về Địa y với trường Đại học Quốc gia Suchon, Hàn Quốc;

+ Hợp tác nghiên cứu và đào tạo cán bộ sau đại học về một số lĩnh vực liên quan đến nâng cao chất lượng cà phê và tinh dầu cà phê phục vụ cho sản xuất mỹ phẩm, y tế... với trường Đại học Ajou, Hàn Quốc;

+ Hợp tác nghiên cứu công nghệ sinh học với Trường Đại học Kyoto, Nhật Bản;

+ Nghiên cứu về chế phẩm thuốc kháng tiêu đường, ung thư và hợp tác đào tạo cán bộ về công nghệ sinh học với trường Đại học Tam Kang, Đài Loan;

+ Hợp tác nghiên cứu về chuỗi giá trị bò thịt với trường Đại học Tasmalia, Australia;

+ Trao đổi đào tạo và nghiên cứu chuỗi giá trị Cà Phê với trường Đại học Hyupsung Hàn Quốc;

+ Hợp tác về công bố các kết quả nghiên cứu thông qua các Hội nghị, Hội thảo với Viện Hàn Lâm khoa học và xã hội Việt Nam.

- Ngoài ra còn hợp tác nghiên cứu và đào tạo cán bộ trẻ với các trường, viện : Dongguk, Daewoo (Hàn Quốc); Okayama, Chi Ba, Niigata (Nhật Bản) và các Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp có uy tín trên thế giới như CIAT, ILRI...

- Trong 3 năm gần đây, Nhà trường kí biên bản ghi nhớ hợp tác với công ty OLECO thuộc Bộ NN&PTNT hoàn tất thủ tục cho 60 sinh viên đi thực hành nông nghiệp tại Israel. Nhà trường cũng đã tiếp nhận các sinh viên, học viên Cao học và NCS từ các nước Cambodia, Lào, Pháp và México. Trong năm 2017, Nhà trường ký kết với chi nhánh công ty CICS Nhật bản trong lĩnh vực đào tạo tiếng Nhật và giới thiệu ứng viên làm việc điều dưỡng tại Nhật. Nhà trường đã kí biên bản hợp tác với trường đại học Chonnam (Hàn Quốc) thành lập trung tâm Hàn quốc học tại trường và ưu tiên các lĩnh vực hợp tác nghiên cứu đa ngành và đào tạo tiếng Hàn

Năm 2013-2014, Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường đã tiếp nhận Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu Di truyền và Công nghệ tế bào. Trên cơ sở đó, Viện

đã triển khai được nhiều nghiên cứu có tính ứng dụng cao. Đến nay, hầu hết các chỉ tiêu sinh học đã được phân tích như: Các chỉ tiêu về dinh dưỡng, đa lượng, vi lượng đất, lá, môi trường và mẫu sinh học bằng máy quang phổ hấp phụ nguyên tử AAS; chẩn đoán nhanh các bệnh HPV, lao, viêm gan siêu vi B, C ở người, bệnh lở mồm long móng ở gia súc, vi sinh vật ngộ độc thực phẩm bằng PCR, Real time PCR, RT-PCR. Một số kết quả nghiên cứu của Viện như: Chế phẩm phân bón vi sinh; Chitosan phân bón lá Oligome; Phân bón lá bao Nano Chitosan đã được Bộ NN&PTNT công nhận theo tiêu chuẩn TCCN-PB-12-03.

Nhằm khai thác tối đa công suất hiện có của các trang thiết bị tại Viện, Nhà trường đã ban hành quy chế về phối hợp nghiên cứu và đào tạo giữa Viện CNSH & MT với các đơn vị trong trường. Đây cũng là cơ hội tốt để các Nhà khoa học, Sinh viên và học viên Cao học có thể sử dụng thiết bị và tiếp cận những phương pháp nghiên cứu mới, hiện đại được thế giới đang áp dụng. Từ đó, các công bố khoa học sẽ có chất lượng và độ tin cậy cao

Nhà trường đã ban hành các quy định về Sở hữu trí tuệ và thành lập tổ chức quản lý sở hữu trí tuệ trong Nhà trường.

### **2.1.2. Kinh phí hoạt động**

Trong giai đoạn 2012-2017, tổng kinh phí cho các hoạt động KH-CN trong trường khoảng 63 tỷ đồng. Trong đó được phân ra theo các nguồn:

- Nguồn từ Bộ Khoa học và Công nghệ là: 6,9 tỷ
- Nguồn từ Bộ GD&ĐT: 9 tỷ (trong đó 5 tỷ dùng cho dự án tăng cường năng lực, còn lại dùng cho đề tài các cấp và các hoạt động khác)
- Nguồn từ các địa phương khoảng hơn 21,9 tỷ đồng;
- Các chương trình Dự án hơn 15,9 tỉ đồng.

Ngoài ra hàng năm, Nhà trường đầu tư từ 1,5 đến 2 tỷ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động KH-CN khác.

### **2.1.3. Thông tin khoa học công nghệ**

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, các công trình khoa học đã được đăng tải, xuất bản trên các ấn phẩm gồm: Bài báo quốc tế, bài báo

trong nước, tham luận hội thảo quốc gia, tham luận hội thảo quốc tế, sách xuất bản trong nước và quốc tế.

Trong giai đoạn 2012-2017, số lượng các công trình khoa học được công bố tăng dần về số lượng và chất lượng qua các năm. Toàn trường công bố 892 bài báo đăng trên các tạp chí và kỉ yếu hội thảo. Trong đó có: 98 bài đăng trên tạp chí quốc tế uy tín có chỉ số SCI, SCIE và Scopus; 480 bài đăng trên tạp chí trong nước có chỉ số ISSN và 314 bài đăng trên tạp chí của Nhà trường. Các bài báo quốc tế chủ yếu tập trung ở các khoa: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Viện Công nghệ sinh học và Môi trường, khoa Nông lâm nghiệp và Khoa Kinh tế. Trong thời gian qua, Cán bộ viên chức trong trường đã xuất bản 42 đầu sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình.

Năm 2015, thực hiện chủ trương đổi mới và nâng cao chất lượng tạp chí KHCN, Nhà trường đã chủ động định dạng tạp chí theo chuẩn quốc tế và trong nước. Tạp chí KHCN đã được Bộ Thông tin Truyền thông cho phép tăng số xuất bản từ 2 lên 6 số/năm. Theo chuẩn của Hội đồng chức danh Nhà nước, hiện tạp chí đã được tính điểm 04 ngành gồm: Y học, Chăn nuôi Thú y Thủy sản, Nông lâm nghiệp và Sinh học (tương đương có 9 chuyên ngành hẹp), Nhà trường đang tiếp tục xin tính điểm tạp chí cho các chuyên ngành khác.

Đổi mới công tác quản lý KHCN về công bố các công trình khoa học của các tổ chức và cá nhân trong trường. Nhà trường đã tiến hành xây dựng trang Web về cơ sở dữ liệu, công bố các công trình KHCN và lý lịch các nhà khoa học trong trường. Hoạt động của trang Web đã phần nào phát huy tích cực trong việc đăng tải các thông tin nhiều mặt về hoạt động khoa học của Nhà trường. Đồng thời, công chúng và các đối tác cũng dễ dàng tìm hiểu cũng như tìm kiếm cơ hội hợp tác với trường Đại học Tây Nguyên trong lĩnh vực KHCN và QHQT.

#### **2.1.4. Hội nghị, Hội thảo khoa học**

Năm 2012-2017, Nhà trường và các đơn vị tổ chức, tham gia 312 cuộc Hội nghị, Hội thảo. Trong đó có 50 Hội nghị, hội thảo trong nước và 18 Hội thảo quốc tế được tổ chức tại trường.

+ Trong giai đoạn này, Trường Đại học Tây Nguyên đã tổ chức 04 Hội nghị cấp quốc gia: Hội nghị KHCN tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng khối Nông – Lâm – Ngư – Thủy toàn quốc lần thứ VI; Hội nghị quốc gia Công nghệ thông tin lần

thứ XVII với chủ đề “ Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông”; Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 43; Hội nghị gia súc lớn khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Nhìn chung, các Hội nghị đã được lãnh đạo Bộ GD&ĐT, các trường thành viên và đối tác đánh giá cao về kết quả tổ chức cũng như năng lực KHCN của cán bộ viên chức trường Đại học Tây Nguyên.

+ Được sự tài trợ của các tổ chức nước ngoài Nhà trường đã tổ chức các Hội thảo quốc tế công bố các đánh giá về con người, tài nguyên, môi trường; Hội thảo Đa dạng sinh học, nghiên cứu ứng dụng và tiềm năng; Hội thảo Y tế công cộng lần thứ 10; Hội thảo Nông lâm kết hợp châu Á. Trên cơ sở các nghiên cứu đã phát hiện nhiều cơ hội triển khai các hợp tác nghiên cứu trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và Tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam.

+ Kết hợp với các Viện, trường trong nước như trường Đại học KHXH&NV, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, trường Đại học Cần Thơ và các Sở ban ngành tại Tây Nguyên... Nhà trường đã tổ chức nhiều Hội thảo công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên trong Nhà trường và hợp tác nghiên cứu thuộc các lĩnh vực Nông lâm nghiệp, Sinh học, Môi trường, Biến đổi khí hậu và Xã hội nhân văn.

+ Ngoài ra các đơn vị cấp Khoa chuyên ngành, các tổ Bộ môn cũng chủ động tổ chức các buổi Hội nghị tổng kết công tác KHCN&QHQT, sinh hoạt học thuật nhằm trao đổi thông kinh và chia sẻ kinh nghiệm phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

Trong năm 2012-2017, bằng nguồn kinh phí từ Nhà trường và các nhà tài trợ, cán bộ giảng dạy trong Trường đã tham gia nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế và quốc gia về Công nghệ sinh học, Khoa học tự nhiên, Y học, Kinh tế, Chăn nuôi Thú y...

## **2.2. Công tác Quan hệ Quốc tế**

Quan hệ Quốc tế mở rộng đối tác trong các lĩnh vực đào tạo và KHCN là một hoạt động được Lãnh đạo trường và các đơn vị quan tâm phát triển. Đẩy mạnh công tác Quan hệ Quốc tế là một động lực nhằm quảng bá hình ảnh Nhà trường với các đối tác trên thế giới, đây cũng là cơ hội để Nhà trường và các nhà khoa học thu hút nguồn lực về KHCN cũng như tài chính góp phần nâng cao trình độ, năng lực và hướng tiếp cận công nghệ mới của cán bộ viên chức và đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ trong Trường.



Với mô hình hợp tác song phương giữa các cấp Trường – Trường, Viện – Trường. Trong những năm qua, Nhà trường đã duy trì và kí mới biên bản ghi nhớ với 18 đối tác. Trong đó có: 16 đối tác là các trường Đại học thuộc các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Indonesia, Lào và Thái Lan; Và 02 đối tác là các công ty hợp tác du học thực hành cho sinh viên. Các đối tác hợp tác trong lĩnh vực khoa học, đào tạo nổi bật như: Trường ĐH Wageningen (Hà Lan), Đại học quốc gia Chonam, trường Dongguk và trường Hyupsung (Hàn Quốc), trường Đại học Niigata và Đại học Chi Ba (Nhật Bản), tham gia trao đổi học thuật với cộng đồng các nước khối Pháp ngữ...Hợp tác thực hiện trong các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học, trao đổi đào tạo và hướng dẫn học viên sau đại học. Nhà trường cũng đã kí biên bản ghi nhớ với công ty OLECO thuộc Bộ NN&PTNT tổ chức đưa sinh viên thuộc các khối Nông lâm, Chăn nuôi Thú y đi thực hành nông nghiệp tại Israel. Và công ty CICS chi nhánh tại Việt Nam hợp tác đưa sinh viên điều dưỡng đi du học thực hành tại Nhật Bản. Nhân dịp kỉ niệm 40 năm thành lập trường, Nhà trường đã kí biên bản hợp tác toàn diện với Đại học quốc gia Chonnam Hàn Quốc trong lĩnh vực KHCN và đào tạo tiếng Hàn. Đây là cơ hội lớn để cán bộ, giảng viên các ngành trong trường hợp tác khoa học, trao đổi giảng viên, đào tạo sinh viên và trao đổi văn hóa.

Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã tổ chức cho 121 đoàn với hơn 382 lượt đối tác đến và 61 đoàn với 73 lượt cán bộ Nhà trường đi hoạt động trong lĩnh vực KHCN và Quan hệ Quốc tế. Nhằm tăng cường quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, trong năm 2014 Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý công tác người nước ngoài. Các quy trình xét duyệt đảm bảo đúng thủ tục pháp lý quốc gia và địa phương.

### **2.3. Những đóng góp và hạn chế về Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế**

#### **2.3.1. Những đóng góp**

##### **2.3.1.1. Đóng góp Khoa học Công nghệ**

Thay đổi hướng tiếp cận nhằm nâng cao chất lượng trong nghiên cứu khoa học. Trong năm qua, các công trình nghiên cứu đã có những đóng góp đáng kể cho KHCN tại địa phương, trong nước cũng như trên thế giới. Việc phát hiện ra các loài Địa y mới, tìm ra các chế phẩm có khả năng ứng dụng trong y học, nông học và công nghệ sinh học của Viện CNSH&MT và khoa KHTN&CN; Nghiên cứu xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường, xác định loài có giá trị kinh tế để phục hồi rừng khộp của khoa

Nông lâm nghiệp; nghiên cứu các bệnh truyền lây giữa người và động vật của khoa Chăn nuôi Thú y và khoa Y dược....Các nghiên cứu đã và đang khẳng định được năng lực của đội ngũ các nhà khoa học trong trường có thể đáp ứng được các thách thức và yêu cầu mà thực tế đặt ra. Thực hiện nghiên cứu theo nhu cầu của địa phương, các đề tài khoa học đã giải quyết được không ít các vấn đề khó khăn trong chẩn đoán và xác định hướng xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi của các ngành như: Chăn nuôi Thú y và Bảo vệ thực vật, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và sức khỏe con người.

Thông qua các đề tài trong các lĩnh vực khác nhau về sinh học, nông lâm ngư, y tế cộng đồng và giáo dục đào tạo, đặc biệt có các nghiên cứu liên ngành... các nghiên cứu của Trường đã có những đóng góp nhất định trong việc hoạch định chính sách, phát triển kinh tế xã hội, y tế, giáo dục cho các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên và cả nước.

Với thế mạnh là Trường đa ngành khác nhau như: Nông, Lâm nghiệp, Y học, Giáo dục, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Kinh tế,...nên dễ dàng hình thành những nhóm nghiên cứu có đủ khả năng hợp tác nghiên cứu liên ngành và nghiên cứu với các trường đại học trên thế giới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, ngành, đáp ứng yêu cầu công nghệ của các doanh nghiệp và tổ chức sản xuất.

Một số đề tài về lĩnh vực đào tạo và nâng cao năng lực đã thật sự giúp đỡ cán bộ nghiên cứu, đặc biệt là cán bộ trẻ vươn lên một cách đáng kể trong kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu.

Trong những năm qua, Hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật của các đơn vị có chất lượng ngày càng cao, đa dạng về chủ đề, có sự tham gia rộng rãi hơn của các nhà khoa học, các nhà quản lý đến từ Viện, Trường, Địa phương. Tham gia các hội thảo trong và ngoài nước và công bố các công trình trên các tạp chí quốc tế cũng đã tạo cơ hội nâng cao vị thế của đội ngũ những người làm khoa học trong Nhà trường.

### *2.3.1.2. Đóng góp Đào tạo*

Gắn liền với quá trình triển khai các đề tài, dự án. Các hoạt động KHCN đã thực sự đóng góp tích cực trong việc đào tạo cán bộ ở các cấp Tiến sĩ, Thạc sĩ và Sinh viên theo các chuyên ngành phù hợp. Khai thác hiệu quả các nguồn học bổng và kinh phí tài trợ từ các dự án, nhiều Thạc sĩ, Tiến sĩ trẻ đã được đào tạo nước ngoài. Các

nguồn tài trợ này cũng đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và tiếp cận cộng đồng cho đội ngũ giáo viên, kỹ thuật viên trẻ và cũng đồng thời nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông viên tại các địa phương mà Dự án triển khai.

Các đề tài thực hiện bởi sinh viên tuy có nguồn kinh phí hạn chế nhưng đã thể hiện được hướng nghiên cứu rõ ràng, phù hợp theo chuyên ngành, có tính thực tiễn và khả năng áp dụng tốt vào sản xuất. Ngoài ra, kết hợp tham gia thực hiện nghiên cứu với các Giảng viên, sinh viên đã nhanh chóng tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu mới và trưởng thành nhanh qua thực tiễn. Qua nghiên cứu khoa học đã làm cho sinh viên thêm yêu ngành, yêu nghề và sớm tiếp cận với điều kiện thực tế. Kết hợp với nghiên cứu khoa học trong trường, một số lượng không nhỏ các sinh viên đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với chất lượng cao.

Trong năm qua, bằng nguồn kinh phí từ Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã tổ chức 05 khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho hơn 300 lượt cán bộ trẻ của các đơn vị trong trường. Qua khóa bồi dưỡng, nhiều cán bộ trẻ đã có khả năng độc lập xây dựng ý tưởng, xây dựng kế hoạch, triển khai đề tài và viết bài báo công bố kết quả nghiên cứu

Đạt được những thành tích tốt trong các hoạt động Khoa học Công nghệ là cơ sở tăng cường uy tín và tạo thêm mối quan hệ giữa các Khoa, Nhà trường với Địa phương. Đây chính là điều kiện tốt cho việc khai thác địa bàn thực tập môn học, thực tập giáo trình và đặc biệt là thực tập tốt nghiệp của sinh viên.

#### *2.3.1.3. Đóng góp phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo tại địa phương*

Thông qua việc giải quyết các khó khăn nổi cộm của địa phương, các hoạt động Khoa học Công nghệ đã có những đóng góp nhất định trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội ở Tây Nguyên; bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc Tây Nguyên; Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, doanh nghiệp, các hệ thống canh tác cây trồng vật nuôi bền vững và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Trong đó, đáng kể đến một số đề tài, dự án quan trọng:

- Nghiên cứu và đề xuất phương án quy hoạch xử lý và quản lý chất thải rắn tại Tây Nguyên

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano nhằm tổng hợp sản phẩm phân bón thông minh nâng cao năng suất và chất lượng nông sản;

- Thu thập, tuyển chọn & xác định các chất có hoạt tính sinh học trong chữa trị bệnh tiêu đường từ một số cây thuốc bản địa;
- Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm sinh học POLYFA-TN3 để cải tạo đất
- Nghiên cứu chuyển giao công nghệ chăn nuôi bò thịt chất lượng cao cho sản xuất nông hộ;
- Xác định lập địa, trạng thái thích hợp và kỹ thuật làm giàu rừng khộp bằng cây Tách (*Tectona grandis* Linn);
- Những giá trị cơ bản dân ca M'Nông và phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số;
- Dự án Quốc tế về “Chăn nuôi động vật ăn cỏ tại vùng tam giác phát triển Cambodia, Lào, Việt Nam” (CLVLP) tại hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông;
- Dự án Phát triển chăn nuôi bò thịt có hiệu quả tại các tỉnh Tây Nguyên và miền trung Việt nam.
- Dự án Liên kết phát triển chuỗi giá trị nhằm cải thiện hệ thống sản xuất sản quy mô nông hộ

Một số đề tài, dự án của Nhà trường đã được Lãnh đạo các tỉnh Tây Nguyên, Nhà khoa học, Nhà quản lý và người sản xuất đánh giá cao về tính khoa học, ứng dụng và hiệu quả nhân rộng trong lao động, sản xuất của một bộ phận lớn người đồng bào tại Tây Nguyên.

#### *2.3.1.4. Đóng góp Quan hệ Quốc tế*

Trong thời gian qua, Trường Đại học Tây Nguyên đã chủ động hơn trong việc triển khai các công tác quan hệ quốc tế, hiện Nhà trường đang hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi học giả với hơn 20 đối tác trong và ngoài nước. Các hoạt động không chỉ dừng lại ở việc ký kết biên bản ghi nhớ và hợp tác mà còn đi sâu vào thảo luận, xây dựng và triển khai các hoạt động cụ thể.

Chủ động xây dựng các mối quan hệ quốc tế điển hình như Khoa Chăn nuôi Thú y, Nông Lâm nghiệp, Kinh tế, Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường. Các nội dung hợp tác giữa Viện-Viện; Viện-Trường và Trường-Viện được xác định cụ thể trong các hoạt động như: Tiếp nhận học bổng đào tạo sau đại học; Tiếp nhận chuyên

gia, giáo viên tình nguyện đào tạo tiếng Anh; Trao đổi cán bộ quản lý và giáo dục; Phối hợp nghiên cứu; Trao đổi sinh viên; Trao đổi thông tin tài liệu và các ấn phẩm khoa học và đào tạo mà hai bên cùng quan tâm; Phối hợp thiết kế chương trình đào tạo và xây dựng tài liệu giảng dạy; Tổ chức đưa sinh viên các ngành Nông, lâm và Kinh tế đi du học thực hành tại nước ngoài; Thành lập các Trung tâm đào tạo tiếng Nhật và tiếng Hàn; Ngoài ra còn tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học và đào tạo.

### **2.3.2. Tồn tại, hạn chế trong hoạt động KHCN và QHQT**

#### **2.3.2.1. Hoạt động KHCN**

Hoạt động Khoa học và Công nghệ của Nhà trường trong những năm qua đã đạt được một số thành tích đáng kể như: Số lượng các công trình công bố trên các ấn phẩm, tạp chí, sách xuất bản trong và ngoài nước đã tăng lên rõ rệt. Các đề tài, dự án đã thực sự có tính khoa học và khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất cao. Các hoạt động đã có những đóng góp to lớn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển kinh tế, xã hội và ổn định an ninh cho khu vực Tây Nguyên và cả nước. Tuy nhiên, với những thể hiện về kết quả đạt được thì hoạt động KHCN của Nhà trường vẫn còn những hạn chế lớn cần khắc phục như:

Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học, các hoạt động chuyển giao công nghệ, các công trình công bố trong và ngoài nước và đặc biệt nghiên cứu khoa học trong cán bộ trẻ và sinh viên còn quá thấp. Kết quả thu được chưa thực sự xứng tầm với những gì hiện có của Nhà trường. Với số lượng tương đối lớn đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên, tuy nhiên bình quân hàng năm số lượng các công trình cấp bộ chỉ đạt 3-5 công trình; đề tài cấp tỉnh 2-3 và cấp cơ sở chỉ đạt 40-60 đề tài và đặc biệt phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên chỉ đạt số lượng rất khiêm tốn (10-20 đề tài/năm)

Tỷ lệ các nghiên cứu được ứng dụng vào thực tiễn đào tạo, chuyển giao công nghệ cho sản xuất còn nhiều hạn chế. Trong đó, đặc biệt phải kể đến các đề tài cấp cơ sở mới tập trung chủ yếu vào nghiên cứu cơ bản, đánh giá thực trạng chưa tạo ra chuỗi kết quả có tính ứng dụng cao

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn mang tính hình thức, phong trào, chưa tạo ra sức lan tỏa rộng khắp trong các khoa và toàn trường

Là trường đa ngành nhưng các hoạt động khoa học Công nghệ trong trường chưa thực sự phát huy hết tiềm năng vốn có. Các hoạt động thường mang tính đơn ngành, tập thể trong ngành, nhóm hoặc cá nhân có thể mạnh nhất định. Chưa có những công trình lớn mang dấu ấn của sự phối hợp giữa các ngành, các đơn vị trong trường

Hoạt động KHCN trong trường bị hạn chế bởi một số nguyên nhân chính như sau:

**+ Nguyên nhân khách quan**

Kinh phí giành cho hoạt động KHCN toàn trường bị phụ thuộc nhiều từ các nguồn cung cấp như: Bộ GD&ĐT, Bộ KHCN, các địa phương và các nguồn khác. Do vậy, Nhà trường khó có thể chủ động trong việc lập kế hoạch phân bổ kinh phí, từ đó hiệu quả sử dụng kinh phí một số hoạt động chưa cao.

Do tính đặc thù của vùng Tây Nguyên nên cơ hội tiếp cận với các nguồn kinh phí của Nhà nước, nhà tài trợ, các quỹ nghiên cứu KHCN còn hạn chế, cơ hội học hỏi, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và năng lực vẫn còn là một rào cản lớn.

Với cơ chế và quy trình tuyển chọn đề tài các cấp Nhà nước, cấp Bộ và các cấp tương đương phức tạp qua nhiều khâu, nhiều tầng. Và đây cũng là một trở ngại lớn cho đội ngũ khoa học trong trường tiếp cận với nguồn kinh phí này để triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ có tính đặc thù vùng, ngành và địa phương

**+ Nguyên nhân chủ quan:**

Năng lực nghiên cứu và tiếp cận KHCN của cán bộ trong Nhà trường và đặc biệt là cán bộ trẻ còn nhiều hạn chế về khả năng tiếp cận và thực hiện các đề tài, dự án hợp tác quốc tế lớn. Các hạn chế thể hiện về: Năng lực ngoại ngữ, phương pháp tiếp cận, kỹ năng viết dự án, khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn để đảm nhiệm các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm trong và ngoài nước.

Một số đề tài cấp cơ sở mới chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu cơ bản, điều tra đánh giá, ý nghĩa khoa học và khả năng ứng dụng vào thực tiễn là không cao

Một bộ phận không nhỏ các cá nhân, lãnh đạo các đơn vị chưa thực sự quan tâm đến công tác KHCN, chưa sẵn sàng chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí từ các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương cho việc triển khai các hoạt động KHCN. Và đây cũng là một trở ngại không nhỏ cho công tác KHCN trong Nhà trường

Do phải dành thời gian cho công tác giảng dạy nhiều nên số cán bộ tham gia các hoạt động Khoa học công nghệ không cao.

Hoạt động KHCN chưa thực sự là nguồn thu cho Nhà trường nhằm tái đầu tư và mở rộng cho các hoạt động KHCN & QHQT.

#### 2.3.2.2. Hoạt động Quan hệ Quốc tế

Trong năm qua, các hoạt động hợp tác quốc tế tuy có nhiều thuận lợi song cũng có những khó khăn, hạn chế nhất định.

Trong bối cảnh nền kinh tế cả nước đang chuyển đổi sang cơ chế thị trường và được xếp hạng thuộc các nước có thu nhập trung bình, do đó số lượng các tổ chức, nhà tài trợ truyền thống đang có chiều hướng giảm dần. Từ đó, kéo theo các hoạt động về Quan hệ Quốc tế nhằm tìm kiếm đối tác tài trợ cho các hoạt động về KHCN và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường cũng bị thu hẹp

Sự quảng bá về Nhà trường còn hạn chế nên ít có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài trợ, các nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành. Nguồn kinh phí tài trợ chỉ tập trung chủ yếu vào một số ít lĩnh vực chuyên ngành hẹp và chuyên gia của Nhà trường.

Thu hút dự án và các hợp đồng có yếu tố nước ngoài chủ yếu tập trung vào các đơn vị, cá nhân hoặc nhóm cá nhân có bề dày truyền thống. Do đó, sức lan tỏa và khả năng lôi kéo các cá nhân và các đơn vị trong trường tham gia còn nhiều hạn chế

Năng lực của cán bộ và đặc biệt cán bộ trẻ còn nhiều hạn chế về: Khả năng ngoại ngữ, kỹ năng viết dự án, kỹ năng tiếp cận dự án và khả năng đàm phán...nên đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc thực hiện các hợp tác quốc tế lớn

#### 2.4. Công tác thi đua khen thưởng

Thông qua các Hội thi, Hội nghị, hội thảo KHCN. Trong những năm qua, Nhà trường, tập thể và các cá nhân đã đạt được nhiều thành tích được khen thưởng các cấp gồm:

\* Nhà trường đã được khen thưởng các cấp gồm:

- Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông về tham gia chợ Công Nghệ Đắk Nông năm 2013.

- Bằng khen về đóng góp cho ngành cà phê (Nhân dịp Lễ hội cà phê năm 2013)

\* Tại Hội nghị KHCV tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng khối Nông – Lâm – Ngư – Thủy toàn quốc. Toàn trường đạt được các thành tích như:

+ Năm 2014: Toàn đoàn có 01 giải nhất; Cá nhân có: 02 giải nhất, 03 giải nhì, 03 giải ba và 12 giải khuyến khích.

+ Năm 2016: Toàn đoàn có 01 giải nhì; Cá nhân có: 02 giải nhất, 04 giải nhì, 01 giải ba và 01 giải khuyến khích.

\* Tại Hội thi sáng tạo KHKT tỉnh Đắk Lắk: Các cá nhân thuộc Viện CNSH&MT, khoa Nông Lâm Nghiệp, khoa KHTN&CN đạt 01 giải nhất, 02 giải ba và 02 giải khuyến khích trong các năm 2013, 2015 và 2017.

\* Tại kì thi Olympic vật lý sinh viên toàn quốc do Bộ GD&ĐT tổ chức năm 2013. Sinh viên khoa KHTN&CN đã đạt các giải:

- Tập thể: Nhì toàn đoàn

- Cá nhân: 05 giải nhì và 01 giải ba

\* Sinh viên khoa Chăn nuôi Thú y được báo tuổi trẻ trao tặng 02 suất tài trợ nghiên cứu khoa học

\* Sinh viên Khoa kinh tế đại diện cho Nhà trường đi tham dự chương trình "Khát vọng Việt" và đạt giải nhì về Dự án nuôi và tiêu thụ heo rừng.

### PHẦN 3

#### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCV & QHQT GIAI ĐOẠN 2018-2022

##### 3.1. Đặc điểm tình hình

Giai đoạn 2018-2020, là thời kỳ nhiệm kỳ mới của Lãnh đạo Nhà trường. Cán bộ viên chức trong toàn trường nỗ lực thi đua đua Nhà trường sớm ổn định và phát triển theo kịp xu hướng phát triển KHCV của đất nước và quốc tế trong thời kỳ hội nhập.

Toàn trường tiếp tục và đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về chiến lược phát triển KHCV giai đoạn 2011-2020 theo hướng “Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ về KHCV phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước trong thời kì mới”.



Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về: Xây dựng Trường Đại học Tây Nguyên trở thành một Trường Đại học trọng điểm của khu vực trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh của khu vực Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung bộ và thúc đẩy phát triển vùng Tam giác Việt Nam, Lào và Cam Pu Chia.

Cán bộ, viên chức, giảng viên và sinh viên trường Đại học Tây Nguyên cần phải quyết tâm hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ KHCN và QHQT do Đảng, Nhà nước và Nhà trường đặt ra.

### **3. 2. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp**

#### **3.2.1. Mục tiêu**

- Phát huy tối đa các nguồn lực hiện có phục vụ công tác KHCN theo hướng hiện đại, hiệu quả và chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Từ đó, góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn và phát huy văn hóa bản sắc các đồng bào Tây Nguyên.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác đối tác trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả hơn nữa về KHCN trong QHQT. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tìm kiếm các dự án hợp tác nghiên cứu, liên kết với các tổ chức và đơn vị nhằm đa dạng hóa, đa phương hóa trong hợp tác và nghiên cứu khoa học góp phần tăng cường nguồn thu cho Nhà trường từ các hoạt động KHCN.

- Tích cực đổi mới quản lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động KHCN và QHQT trong các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Nhà trường. Khuyến khích các hoạt động có tính liên ngành, liên vùng, liên quốc gia và đặc biệt quan tâm đến các chương trình có tính trọng điểm.

#### **3.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp**

##### **3.2.2.1. Nhiệm vụ thực hiện các hoạt động giai đoạn 2018-2022**

- Nhà trường quan tâm và tạo điều kiện tối đa phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức trong thời đại mới. Trong đó, ưu tiên bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học và QHQT cho đội ngũ các nhà khoa học và đặc biệt là các nhà khoa học trẻ

- Đẩy mạnh đầu tư, khai thác và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại từ Viện và các phòng thí nghiệm để triển khai các chương trình, đề tài khoa học ứng dụng công nghệ cao đáp ứng được yêu cầu về KHCN và đào tạo trong thời đại mới.

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Nhà trường góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

- Tích cực đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm KHCN góp phần tăng nguồn thu nâng cao đời sống của CBVC trong Nhà trường

- Củng cố và phát triển mối quan hệ giữa Nhà trường và các đối tác tại địa phương nhằm tìm kiếm cơ hội xã hội hóa trong KHCN phục vụ triển khai các đề tài, dự án phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước

- Khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất để các cá nhân, đơn vị chủ động tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước triển khai công tác KHCN và QHQT phục vụ đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật theo nhu cầu xã hội

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế theo quy chế Trường-Trường; Viện- Trường; Trường với các tổ chức khác nhằm khai thác tối đa nguồn lực bên ngoài về KHCN và tìm kiếm các nguồn tài trợ cử cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài.

- Thường xuyên đổi mới quản lý KHCN nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của các nghiên cứu. Trong đó, ưu tiên các nghiên cứu ứng dụng góp phần nâng cao chất lượng quản lý và đào tạo trong trường. Và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương, nâng cao thu nhập và tạo sinh kế cho một bộ phận người đồng bào dân tộc sinh sống tại Tây Nguyên.

#### 3.2.2.2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường khai thác một cách hiệu quả các nguồn nhân lực khoa học trong trường, trong nước và quốc tế. Trong đó, đặc biệt quan tâm các nhà khoa học có trình độ, học hàm, học vị, nhằm giải quyết tốt các nhiệm vụ KHCN đáp ứng yêu cầu của địa phương và xã hội

- Tiếp tục thu hút các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước phục vụ công tác đào tạo và đào tạo lại góp phần phát triển nguồn lực NCKH chất lượng cao và đặc biệt

quan tâm phát triển nguồn cán bộ khoa học trẻ có nhiều triển vọng. Đồng thời, thường xuyên cử các đề tài có chất lượng tham gia giải thưởng các cấp phân đấu mục tiêu có nhiều đề tài được công bố có giải thưởng cao

- Mở rộng phạm vi hoạt động của các hoạt động khoa học công nghệ trên cơ sở chủ động hợp tác với các đơn vị quản lý khoa học công nghệ và các cơ sở sản xuất trên địa bàn, bám sát thực tiễn sản xuất để đăng ký, tổ chức các hoạt động khoa học công nghệ, khẳng định thương hiệu của Nhà trường.

- Xây dựng cơ chế phối hợp các nhóm nghiên cứu nghiên cứu liên bộ môn, liên ngành, các nhóm chuyên gia nghiên cứu chuyên sâu theo lĩnh vực đặc thù. Phát huy hơn nữa vai trò của hội đồng khoa học và đào tạo các cấp trong công tác đề xuất nhiệm vụ KHCN.

- Đa dạng hóa các loại hình hợp tác quốc tế. Chủ động tìm kiếm các mối quan hệ đa phương, song phương. Nhằm thu hút các nguồn lực KHCN chất lượng cao phục vụ công tác đào tạo, phát triển KHCN và công bố quốc tế các sản phẩm khoa học thuộc thế mạnh Nhà trường

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, theo các hình thức nhóm chuyên môn, chi đoàn, liên chi đoàn. Tạo điều kiện cho sinh viên sớm tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học và biến kiến thức học tập lý thuyết trở thành kết quả khoa học có tính ứng dụng thực tiễn cao

- Nhà trường có chế độ ưu tiên và chính sách động viên phù hợp nhằm khuyến khích cán bộ khoa học công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước.

- Thường xuyên đầu tư bổ sung trang thiết bị hiện đại và chuyên sâu đáp ứng với trình độ KHCN tiên tiến trong nước và trên thế giới. Rà soát các nguồn lực về cơ sở vật chất, đánh giá khả năng thực hiện hoạt động KHCN của các đơn vị, xây dựng cơ chế phối hợp trong sử dụng hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư

- Tiếp tục cải cách, hoàn thiện khung pháp lý và bộ máy quản lý khoa học công nghệ trong toàn Trường tiến tới từng bước tiết giảm các thủ tục hành chính không hợp lý và xây dựng nền quản trị khoa học công nghệ hiện đại. Thực hiện phân cấp triệt để các hoạt động khoa học đối với các đơn vị. Và xây dựng các chính sách phù hợp nhằm

khuyến khích sự tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học công nghệ khác của cán bộ CBVC và sinh viên.

- Thường xuyên tổ chức Hội nghị, Hội thảo trong và ngoài nước, tiến hành sinh hoạt chuyên môn thường xuyên theo nhiều cấp nhằm đánh giá, tổng kết và rút ra các bài học kinh nghiệm kịp thời về công tác NCKH.

- Tăng cường công tác tuyển chọn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nghiệm thu kết quả các công trình nghiên cứu theo phương thức dân chủ, công khai, minh bạch nhằm nâng cao chất lượng, tiến độ và hiệu quả thực hiện các nghiên cứu theo quy định về quản lí KH-CN

- Ưu tiên tuyển chọn các nghiên cứu có tính ứng dụng cao, áp dụng vào góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, quản lý và tạo ra các sản phẩm có tính thương hiệu của Nhà trường

- Xây dựng, lưu trữ và công bố cơ sở dữ liệu về nguồn lực hoạt động KH-CN, kết quả hoạt động KH-CN và các lĩnh vực khoa học công nghệ và quan hệ quốc tế trên thông tin điện tử cấp trường, địa phương và cả nước.

- Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và công khai các qui định, biểu mẫu và các chế độ về hoạt động KH-CN cho phù hợp tình hình mới.

- Tăng cường hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ; động viên khuyến khích, hỗ trợ các chủ nhiệm đề tài đăng ký sở hữu trí tuệ với các công trình nghiên cứu của mình.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHT. Trần Trung Dũng**

***Nơi nhận:***

- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch HĐT, các PHT
- Các đơn vị;
- Lưu: KH&QHQT, HCTH.